

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3034/BC-CAT-PC07-PV01

Quảng Nam, ngày 21 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố

Kính gửi:

- HĐND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017, Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 và Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BCA, ngày 09/11/2015 của Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy;



Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư kế hoạch năm 2022 nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 6348/UBND-KTTH ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc bổ sung hạng mục cải tạo và sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành.

Công an tỉnh Quảng Nam trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Sở KH&ĐT tỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố.

2. Dự án nhóm: B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh Quảng Nam.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Quảng Nam.

5. Tên chủ đầu tư: Công an tỉnh Quảng Nam.

6. Địa điểm thực hiện dự án:

- Công an tỉnh Quảng Nam, số 19 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

- Trụ sở làm việc cũ Công an huyện Núi Thành, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

- Tổng mức đầu tư: 76.967.967.300 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm đồng), trong đó:

+ Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố là: 70.000.000.000 (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng);

+ Đầu tư cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành là: 6.967.967.300 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm đồng)

- Nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh;

- Dự kiến bố trí vốn:

+ Năm 2022 là: 37.437.567.300 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm đồng).

+ Năm 2023 là: 23.547.200.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng)

+ Năm 2024 là: 15.983.200.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ngàn đồng)

8. Thời gian thực hiện: 2022-2024

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư

1.1. Quảng Nam là tỉnh duyên hải miền Trung, nằm ở trung độ của cả nước, tổng diện tích tự nhiên 10.438,37 km² (lớn thứ 4 trong cả nước) với 18 đơn vị hành chính (02 thành phố, 01 thị xã và 15 huyện), 241 xã, phường, thị trấn; dân số 1,6 triệu người, xếp thứ 18 so với cả nước và xếp thứ 03 so với khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung (sau Thanh Hóa và Nghệ An), tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã, các huyện đồng bằng và các thị trấn, vùng ven sông, ven quốc lộ và tỉnh lộ; phía Đông giáp biên Đông; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Sê Kông (Lào); phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi; phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2. Quảng Nam có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; là đầu mối giao thông kết nối giữa các khu vực với những tuyến đường trọng điểm như Quốc lộ 1A, 14B, 14D, 14E, 14G, 40B, đường Hồ Chí Minh, đường Đông Trường Sơn, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và tuyến đường sắt xuyên Việt; có cảng hàng không quốc gia Chu Lai; cảng biển Kỳ Hà, cảng biển Tam Hiệp; có 157,48 km đường biên giới với tỉnh Sê Kông (Lào), 2 cửa khẩu quốc gia tại huyện Nam Giang và Tây Giang; bờ biển dài 125 km; có diện tích rừng lớn, chiếm 52,5% diện tích đất tự nhiên. Là tỉnh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai mùa rõ rệt là mùa nắng và mùa mưa; mùa nắng kéo dài từ tháng 01 đến tháng 8, với nhiệt độ trung bình từ 29°C đến 40°C, kết hợp với gió mùa Tây Nam làm cho nhiệt độ càng tăng cao và độ ẩm thấp; thời gian còn lại là mùa mưa, với lượng mưa trung bình cao nhất cả nước, kết hợp với địa hình tự nhiên phức tạp, nghiêng từ Tây sang Đông và hệ thống sông ngòi dày đặc như: hệ thống sông Vu Gia, sông Thu Bồn, sông A Vương, sông Tam Kỳ, sông Trường Giang và nhiều nhánh sông, suối nhỏ khác, với độ dốc lớn nên vào mùa mưa thường xảy ra hiện tượng lũ quét, sạt lở ở miền núi và ngập úng ở đồng bằng... Với đặc điểm nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Quảng Nam phát triển kinh tế, sản xuất hàng hoá và mở rộng giao lưu kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành trong nước và quốc tế; đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy, nổ và tai nạn do thiên tai gây ra là rất lớn.

1.3. Những năm gần đây, kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng Quảng Nam phát triển với tốc độ khá nhanh, số lượng các khu công nghiệp, nhà máy, công trình

trọng điểm, khách sạn, trung tâm thương mại và dịch vụ được cải tạo và xây dựng mới ngày càng nhiều. Hiện nay, toàn tỉnh đã quy hoạch và phát triển 11 khu công nghiệp, 92 cụm công nghiệp, 45 làng nghề tiểu thủ công nghiệp; 46 nhà máy thủy điện (10 nhà máy thủy điện lớn với tổng công suất 1.156 MW và 36 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ), 01 nhà máy nhiệt, 01 trạm biến áp 500KV, 15 trạm biến áp 220KV và 110KV; 353 cơ sở y tế, 1.237 trường học cấp từ mầm non trở lên, 215 chợ và trung tâm thương mại; 466 cơ sở dệt may, da giày, bao bì, chế biến gỗ và cơ sở sản xuất công nghiệp khác; 491 cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng; 185 cửa hàng xăng dầu; 1.501 nhà nghỉ, khách sạn; 22 kho vật liệu nổ công nghiệp; 712 trụ sở, văn phòng làm việc, trong đó chủ yếu là công trình nhiều và cao tầng, có công trình cao trên 50m và các cơ sở khác... Cùng với đó, thì quá trình đô thị hóa diễn ra rất nhanh, nhiều khu đô thị được hình thành; đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu sử dụng điện, chất đốt, các trang thiết bị, phương tiện, vật dụng thiết yếu để phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân ngày càng nhiều... Dẫn đến tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh cháy, nổ, tai nạn. Khi xảy ra cháy, thì nguy cơ cháy lan, cháy lớn là rất cao; công tác tổ chức chữa cháy và CNCH gặp nhiều khó khăn, khi đó cần phải huy động lực lượng và phương tiện với số lượng lớn mới đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ.

1.4. Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam gồm: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, hiện tại có 02 Đội chữa cháy và CNCH. Trong đó, Đội Công tác chữa cháy và CNCH đóng quân tại phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, thực hiện chức năng tổ chức chữa cháy và CNCH khu vực phía Nam của tỉnh, bao gồm thành phố Tam Kỳ và các huyện: Núi Thành, Thăng Bình, Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Phước Sơn, Nam Giang, Tiên Phước, Bắc Trà My và Nam Trà My; Đội chữa cháy và CNCH khu vực Bắc Quảng Nam đóng quân tại phường Thanh Hà, thành phố Hội An, thực hiện chức năng tổ chức chữa cháy và CNCH khu vực phía Bắc của tỉnh, bao gồm thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và các huyện: Duy Xuyên, Đại Lộc, Đông Giang và Tây Giang. Ngoài ra, trong năm 2021 triển khai Đội chữa cháy và CNCH khu vực Nam Quảng Nam tại thị trấn Núi Thành (*bố trí tại trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành*).

Hiện nay, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đã được trang bị 14 xe chữa cháy có két nước, 02 xe bơm, 02 xe cứu nạn, cứu hộ, 01 xe thang chữa cháy. Trong số xe trên, 12 xe có thời gian sử dụng trên 15 năm, trong đó xe cũ nhất có thời gian sử dụng 30 năm. Đa phần các xe này được trang bị từ thời Quảng Nam – Đà Nẵng cũ và các xe chữa cháy được viện trợ từ nguồn xe đã qua sử dụng của một số nước, nên chất lượng rất thấp, thường xuyên hư hỏng. Với thực trạng tình hình phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiện nay của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam không đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác. (*Kèm theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2: Bảng tổng hợp phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiện nay của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH*).

Theo Thông tư số 42/2018/TT-BCA, ngày 25/12/2018 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an

huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tại Công an cấp huyện phải thành lập Đội Cảnh sát PCCC và CNCH. Tuy nhiên, hiện nay chưa đảm bảo về lực lượng, phương tiện chữa cháy và CNCH do đó, tại Công an cấp huyện chỉ mới bố trí Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức chữa cháy, CNCH trên địa bàn phức trách. Hiện nay, Công an các huyện, thị xã, thành phố chưa được trang bị phương tiện chữa cháy và CNCH để thực hiện nhiệm vụ. Do đó, khi có sự cố cháy, nổ, tai nạn xảy ra công tác tổ chức chữa cháy và CNCH không được triển khai kịp thời, dẫn đến nguy cơ cháy lớn, cháy gây hậu quả nghiêm trọng là rất cao.

1.5. Trước đặc điểm, tình hình nêu trên. Trong những năm qua tình hình cháy, nổ và sự cố tai nạn diễn biến hết sức phức tạp, số vụ cháy, nổ, tai nạn và thiệt hại ngày càng tăng. Theo thống kê, từ năm 2015 đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã xảy ra 945 vụ cháy, làm 12 người chết, 18 người bị thương và thiệt hại về tài sản ước tính 377,8 tỷ đồng, 742 ha rừng và tổ chức CNCH 113 vụ. Trong đó, các địa phương như: Thành phố Tam Kỳ, Hội An; thị xã Điện Bàn; huyện: Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Núi Thành có số vụ cháy xảy ra nhiều và gây thiệt hại lớn.

Cụ thể một số vụ điển hình như: (1) ngày 28/6/2016, xảy ra cháy tại quán Bar Hoàng Long, 328 đường Lý Thường Kiệt, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, gây thiệt hại 2,5 tỷ đồng; (2) ngày 02/02/2017, xảy ra cháy tại nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô khách, thuộc Công ty TNHH MTV sản xuất và lắp ráp ô tô khách Trường Hải, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, gây thiệt hại 250 tỷ đồng; (3) ngày 09/01/2018, xảy ra cháy tại khu vực san, chiết cồn của nhà máy sản xuất cồn Đại Tân, thuộc Công ty Cổ phần nhiên liệu sinh học Tùng Lâm, Cụm công nghiệp làng nghề Đại Tân, xã Đại Tân, huyện Đại Lộc, gây thiệt hại hoàn toàn 02 chiếc xe bồn chở cồn và khu san chiết cồn khoảng 300m²; (4) ngày 06/3/2020, xảy ra cháy tại chợ Thanh Quýt, xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, gây thiệt hại 18,3 tỷ đồng; (5) ngày 25/9/2020, xảy ra cháy tại nhà máy may thêu xuất khẩu, thuộc Công ty TNHH MTV Sơn Hà Duy Xuyên, Cụm công nghiệp Gò Mỹ, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, gây thiệt hại 960m² nhà xưởng; (6) Lúc 0h35 ngày 15/02/2021 (mùng 4 tết), xảy ra cháy tại nhà Ông Trần Kim Hoàng Hải và nhà Ông Phạm Phú Phi, địa chỉ số 208, 210 đường Trưng Nữ Vương, thành phố Tam Kỳ, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH kịp thời triển khai và cứu được 06 người bị mắc kẹt trong đám cháy (trong đó 02 trẻ em, 01 người già và 03 người lớn / 01 người bị ngạt khói nặng, không tự di chuyển được và 05 người bị ngạt khói nhẹ nhưng không có lối thoát). Ngoài ra, trong thời gian vừa qua, các huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam, như: huyện Nam Trà My, Bắc Trà My và Phước Sơn... liên tục xảy ra các vụ lũ quét, sạt lở núi, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Trong số các vụ cháy trong thời gian qua, một số vụ cháy ở các huyện miền núi, các huyện cách xa đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, công tác tổ chức chữa cháy không hiệu quả. Nguyên nhân do khoảng cách quá xa, khi lực lượng và phương tiện của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam đến hiện trường, đám cháy đã phát triển

lớn. Nếu Công an các huyện được trang bị phương tiện chữa cháy và CNCH thì công tác tổ chức chữa cháy ban đầu được kịp thời, ngăn chặn không cho đám cháy phát triển lớn, đồng thời kết hợp với lực lượng chỉ viện của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thì công tác tổ chức chữa cháy sẽ hiệu quả hơn rất nhiều.

1.6. Dự báo tình hình cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ trong những năm tới

Những năm tới, quá trình đô thị hóa tiếp tục phát triển mạnh, kéo theo sự tăng nhanh về số lượng khu đô thị, tổ hợp nhà cao tầng, công trình dân dụng phức hợp vừa kinh doanh dịch vụ thương mại, vừa để ở; khu kinh tế mở Chu Lai, các khu, cụm công nghiệp phát triển; số lượng dự án đầu tư tăng cao, quy mô lớn với nhiều loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh đa ngành, đa nghề, đa lĩnh vực; các công trình công cộng phục vụ dân sinh tăng cao. Theo quy luật khách quan, kinh tế - xã hội càng phát triển thì kéo theo nguy cơ cháy, nổ càng gia tăng. Do đó, trong những năm tới, tình hình cháy, nổ trên địa bàn tỉnh sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, nguy cơ cháy tăng cao và luôn tiềm ẩn; số vụ cháy và cháy lớn sẽ gia tăng, đặc biệt cháy xảy ra tại các cơ sở sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, chợ, nhà dân...

Khu vực miền núi phía Tây của tỉnh có hệ thống giao thông phức tạp, đèo dốc, quanh co, nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông rất cao. Khu vực phía Đông có tuyến đường biển và hệ thống giao thông đường thủy đa dạng, tình hình thiên tai, lũ lụt diễn biến phức tạp. Mặt khác, với số lượng lớn các nhà máy thủy điện, mỏ khai thác khoáng sản, đá, cát và sự phát triển nhanh của việc xây dựng hạ tầng cơ sở, công trình xây dựng, đặc biệt là nhà cao tầng dẫn đến nguy cơ xảy ra các sự cố, tai nạn là rất lớn.

Biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng, bão, lũ, ngập úng, hạn hán kéo dài tác động lớn tới tình hình cháy, nổ, nhất là trong công tác PCCC rừng và cứu nạn, cứu hộ.

Để đáp ứng yêu cầu về phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh, nhất là Công an cấp huyện để hoàn thành nhiệm vụ chữa cháy và CNCH, đảm bảo ANTT, đem lại sự bình yên và hạnh phúc cho Nhân dân; đồng thời góp phần ổn định môi trường đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Do vậy, việc trang bị phương tiện chữa cháy và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam là một yêu cầu cấp thiết, phù hợp với thực tế trong tình hình hiện nay cũng như xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu

- Tập trung cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành để bố trí chỗ làm việc cho Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Nam Quảng Nam; đầu tư, trang bị phương tiện chữa cháy và CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam đảm bảo tối thiểu

theo yêu cầu chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiện tại và theo mô hình tổ chức trong những năm tới; đồng thời đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09/11/2015 của Bộ Công an Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện chữa cháy và CNCH cơ giới cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả chữa cháy và CNCH của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam và Công an cấp huyện, nhất là các địa phương trọng điểm về chữa cháy và CNCH góp phần đảm bảo tính mạng, sức khỏe con người, tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân, đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tạo môi trường ổn định, an toàn thu hút hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

- Việc trang bị phương tiện chữa cháy và CNCH phải tập trung ưu tiên cho những nơi còn thiếu, những nơi có nhu cầu cấp thiết cho công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội; không đầu tư dàn trải.

- Ưu tiên đầu tư trang bị phương tiện cần thiết cho việc triển khai thành lập các đội Cảnh sát PCCC và CNCH trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

2.2. Quy mô đầu tư

Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau (kèm theo Phụ lục 3 Bảng tổng hợp quy mô đầu tư):

- Xe chữa cháy: **08 chiếc.**
- Xe chở nước: **08 chiếc.**
- Máy bơm chữa cháy: **12 chiếc.**
- Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ (đồng bộ): **03 bộ.**
- Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu nạn, cứu hộ dưới nước: **10 bộ.**
- Mặt nạ phòng độc cách ly: **12 bộ.**
- Thiết bị camera dò tìm người bị nạn dưới nước: **03 bộ.**

- Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành, cụ thể như sau:

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	Ghi chú
1	Sửa chữa nhà làm việc 2 tầng	m2	1141,8	
2	Sửa chữa nhà bếp ăn	m2	115,8	
3	Sửa chữa nhà để xe máy CBCS và kho	m2	260,1	
4	Sửa chữa kho để máy móc chuyên dụng	m2	65,27	
5	Xây dựng mới gara xe chữa cháy	m2	260	

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	Ghi chú
6	Xây mới vọng gác	Cầu kiện	1	
7	Sân đường bê tông	m2	1100	
8	San nền sân gara xe chữa cháy	m3	200	
9	Sửa chữa, sơn tường rào	m2	657,71	
10	Nâng chiều cao hàng rào (1m)	m2	101,75	
11	Làm cổng xe ra vào	Cầu kiện	3	
12	Mương thoát nước ngoài nhà	Cầu kiện	1	
13	Chống sét	Hệ thống	1	
14	Bể nước	Cầu kiện	1	
15	Tháo dỡ trụ an ten	Cầu kiện	1	
16	Cấp điện, nước trong và ngoài nhà	Cầu kiện	1	
17	Trang bị thiết bị phục vụ		1	

2.3. Địa điểm đầu tư:

- Công an tỉnh Quảng Nam, số 19 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

2.4. Phạm vi đầu tư

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam:

+ Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành để bố trí chỗ làm việc cho Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Nam Quảng Nam;

+ Tăng số lượng trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và CNCH cho các đội, nhằm bổ sung, thay thế các thiết bị, phương tiện kém chất lượng (hư hỏng) để đảm bảo đủ cơ sở phương tiện thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và CNCH; đồng thời đảm bảo phương tiện để triển khai Đội chữa cháy và CNCH khu vực Nam Quảng Nam tại huyện Núi Thành trong năm 2021.

- Trang bị cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp huyện: Trước mắt tập trung trang bị xe chữa cháy và xe chở nước cho các huyện trọng điểm về cháy, nổ, CNCH như: thị xã Điện Bàn, huyện: Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn; trang bị máy bơm chữa cháy cho các huyện: Phước Sơn, Bắc Trà My, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tiên Phước, Phú Ninh, Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Nam Trà My đảm bảo phương tiện để thực hiện công tác tổ chức chữa cháy và CNCH trên địa bàn phụ trách. Riêng thành phố Tam Kỳ, Hội An và huyện Núi Thành đã bố trí Đội chữa cháy và CNCH thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam nên để đầu tư ở thời gian sau.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cơ cấu nguồn vốn đầu tư công

3.1. Cơ sở lập tổng mức đầu tư

- Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BCA, ngày 09/11/2015 của Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy;

- Báo giá thiết bị PCCC của Công ty TNHH thiết bị PCCC Hà Nội; địa chỉ: Số nhà 29, ngách 45, ngõ 28 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Báo giá thiết bị PCCC của Công ty TNHH đầu tư, khai thác, ứng dụng khoa học kỹ thuật PCCC, CNCH; địa chỉ: Nhà 2 C2b, ngõ 25 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Báo giá thiết bị PCCC của Công ty TNHH Vật tư thiết bị toàn bộ Hà Tây; địa chỉ: 28 Lê Lợi, TT Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3.2. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án

Tổng mức đầu tư được xác định sơ bộ trên cơ sở đơn giá phương tiện, thiết bị tham khảo thị trường và giá mua sắm phương tiện tương tự do Bộ Công an và các đơn vị lân cận trong khu vực thực hiện trong thời gian qua (*Kèm theo Phụ lục 4, 5*), theo đó:

Tổng mức đầu tư: **76.967.967.300** đồng (Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm đồng), trong đó:

- Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố là: **70.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng);

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành là: **6.967.967.300** đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm đồng).

3.3. Nguồn vốn cho dự án: Nguồn vốn ngân sách tỉnh

3.4. Khả năng cơ cấu nguồn vốn đầu tư công

Đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam xem xét, cân đối trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2022 – 2024 của tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác
2022	37.437.567.300	0
2023	23.547.200.000	0
2024	15.983.200.000	0

(*Kèm theo Phụ lục 6 và Phụ lục 7: Đầu tư, bố trí thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giai đoạn 2022 - 2024*).



4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện và khả năng huy động các nguồn lực

4.1. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư

Với quy mô đầu tư của dự án, khả năng cân đối vốn đầu tư, điều kiện và đặc thù mua sắm, dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án giai đoạn 2022 – 2024, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

- Nội dung thực hiện: (1) Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư. (2) Lập dự án đầu tư, trình thẩm định và phê duyệt dự án.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 8/2021 đến hết tháng 12/2021.

b) Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Nội dung thực hiện: (1) Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. (2) Triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu. (3) Cung cấp thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/2022 đến hết tháng 6/2024, được phân kỳ cho hằng năm (*Kèm theo Phụ lục 6 Dự kiến bố trí vốn đầu tư dự án*).

c) Giai đoạn kết thúc đầu tư

- Nội dung thực hiện: (1) Bàn giao thiết bị đưa vào vận hành sử dụng. (2) Kiểm toán, báo cáo quyết toán dự án. (3) Quyết toán dự án, thanh toán nợ khối lượng còn lại sau quyết toán (nếu có).

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 7/2024 đến hết tháng 12/2024.

4.2. Khả năng huy động các nguồn lực: Thực hiện theo sự phân công quản lý của nhà nước đối với các dự án từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

5. Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành.

5.1. Chi phí quản lý: Chi phí quản lý dự án được trích từ chi phí tổng của dự án. Qua việc quản lý dự án, kích thích, nâng cao tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của Ban quản lý dự án, nhất là những cán bộ trực tiếp điều hành dự án.

5.2. Chi phí bảo trì, bảo dưỡng: Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện theo quy định hiện hành của nhà nước và hợp đồng cung cấp thiết bị, phương tiện đã được ký kết của dự án.

6. Tác động về môi trường, xã hội, hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội.

6.1. Tác động về môi trường, xã hội

Mục tiêu của dự án là mua sắm trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành nên không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

6.2. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội

- Dự án đầu tư mua sắm phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ góp phần nâng cao năng lực và xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam ngày càng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo phương tiện cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để kịp thời tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hiệu quả, làm giảm thiệt hại do cháy, nổ gây ra, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, tạo môi trường thuận lợi cho việc đầu tư, phát triển bền vững, đem lại bình yên và hạnh phúc cho Nhân dân.

7. Giải pháp tổ chức thực hiện

7.1. Phương thức thực hiện

- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Quảng Nam.
- Cơ quan quản lý, khai thác, sử dụng: Công an tỉnh Quảng Nam.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

7.2. Phương án quản lý, khai thác sử dụng

Công an tỉnh Quảng Nam có trách nhiệm:

- Quản lý, tổ chức thực hiện từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư.
- Tổ chức thực hiện đấu thầu gói mua sắm thiết bị, phương tiện và cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành theo đúng quy định.
- Chuẩn bị nhân lực tiếp quản thiết bị, phương tiện, phối hợp giám sát, nhận và chuyển giao kỹ thuật.
- Chuẩn bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp để quản lý, vận hành, khai thác.
- Xây dựng lý lịch máy, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng cho từng thiết bị.

Công an tỉnh trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Sở KH&ĐT tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố./. *Đu*

Nơi nhận:

- Như kính gửi (báo cáo);
- Lưu: VT, PC07.



**Thiếu tướng
Nguyễn Đức Dũng**



Phụ lục 1

Phân tích chất lượng thực trạng phương tiện hiện có

(Kèm theo Báo cáo số 3034/BC-CAT-PC07-PV01, ngày 21/9/2021 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên loại xe	ĐVT	Năm sản xuất	Số năm sử dụng tại Việt Nam	Chất lượng			Ghi chú
					Tốt	Trung bình	Kém	
A	Xe chữa cháy (có téc nước và bột)							
1	Xe Yuong BKS 92A-00275	Chiếc	1989	8			x	Xe này đã qua sử dụng tại Mỹ, được Công ty TNHH Nhựa Hùng Đông tặng thông qua C07-Bộ Công an từ năm 2012. Hiện nay, xe hỏng, nhiều bộ phận không có phụ tùng thay thế; không đảm bảo yêu cầu chữa cháy. Đề nghị thay thế.
2	Xe Zin 131 BKS 92A-00485	Chiếc	1990	30			x	Xe này được đưa vào sử dụng năm 1990 tại Công an Quảng Nam – Đà Nẵng cũ. Năm 2012, C07-Bộ Công an cho thay máy mới. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều bộ phận không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém. Đề nghị thay thế.
3	Xe Zin 130 BKS 92A-00544	Chiếc	1993	27			x	Xe này được đưa vào sử dụng năm 1993 tại Công an Quảng Nam – Đà Nẵng cũ. Năm 2012, C07-Bộ Công an cho thay máy mới. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều bộ phận không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém. Đề nghị thay thế.
4	Xe Zin 130 BKS 92A-00244	Chiếc	1994	26			x	Xe này được đưa vào sử dụng năm 1994 tại Công an Quảng Nam – Đà Nẵng cũ. Năm 2012, C07-Bộ Công an cho thay máy mới. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều bộ phận không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém. Đề nghị thay thế.
5	Xe Zin 130 BKS 92A-00354	Chiếc	1997	23			x	Xe này được đưa vào sử dụng năm 1997. Năm 2012, C07-Bộ Công an cho thay máy mới. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều bộ phận không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém. Đề nghị thay thế.

STT	Tên loại xe	ĐVT	Năm sản xuất	Số năm sử dụng tại Việt Nam	Chất lượng				Ghi chú
					Tốt	Trung bình	Kém	Cần thay thế	
6	Xe Kamaz BKS 92E-0099	Chiếc	1994	26			x	Xe này, năm 1994 được hoán cải từ xe tải đã qua sử dụng thành xe chữa cháy và đưa vào sử dụng từ 1994 tại Công an Quảng Nam – Đà Nẵng cũ. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều bộ phận không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém. Đề nghị thay thế.	
7	Xe Hino Ranger BKS 92E-0637	Chiếc	1991	12			x	Xe này đã qua sử dụng tại Nhật, được Hiệp hội PCCC Nhật Bản tặng thông qua C07-Bộ Công an từ năm 2008. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều thiết bị không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém. Đề nghị thay thế.	
8	Xe Hino BKS 92E-0582	Chiếc	1997	08			x	Xe này được đưa vào sử dụng từ năm 2002. Năm 2012, được C07-Bộ Công an lắp đặt bổ sung công nghệ CAFS 1.7. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, hiệu quả chữa cháy kém.	
9	Xe Chase BKS 92E-1329	Chiếc	2004	16		x			
10	Hino Morita BKS 92E-0852	Chiếc	2008	12		x			
11	Hino Morita BKS 92A-00039	Chiếc	2010	10		x			
12	Xe Isuzu CTV BKS 92A-00287	Chiếc	2016	3	x				
13	Xe Isuzu Morita BKS 92A-00614	Chiếc	2018	2	x				

STT	Tên loại xe	ĐVT	Năm sản xuất	Số năm sử dụng tại Việt Nam	Chất lượng			Ghi chú
					Tốt	Trung bình	Kém	
14	Xe Isuzu Morita BKS 92A-00593	Chiếc	2018	2	x			
B	Xe cứu nạn, cứu hộ							
1	Xe cứu hộ Mitsubishi BKS 92A-00452	Chiếc	2014	6	x			
2	Xe cứu hộ Huynday BKS 92A-00584	Chiếc	2017	3	x			
C	Xe thang chữa cháy							
1	Hino Morita 92A-00543	Chiếc	2014	6	x			
D	Xe bơm chữa cháy							
1	Xe bơm Nissan BKS 92E-0639	Chiếc	1990	12			x	Xe này đã qua sử dụng tại Nhật, được Hiệp hội PCCC Nhật Bản tặng thông qua C07-Bộ Công an từ năm 2008. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều thiết bị không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém.
2	Xe bơm Isuzu BKS92A- 00396	Chiếc	1999	20			x	Xe này đã qua sử dụng tại Nhật, được Hiệp hội PCCC Nhật Bản tặng thông qua C07-Bộ Công an từ năm 2000. Hiện nay, xe này thường xuyên hư hỏng, nhiều thiết bị không có phụ tùng thay thế; hiệu quả chữa cháy kém.

STT	Tên loại xe	DVT	Năm sản xuất	Số năm sử dụng tại Việt Nam	Chất lượng			Ghi chú
					Tốt	Trung bình	Kém	
E Xe phục vụ chữa cháy								
1	Xe tải KIA BKS 92E-0389	Chiếc	2002	18			x	Sử dụng năm 2003, chuyên dùng chở phương tiện thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ từ năm 2017. Hiện nay, xe thường xuyên hư hỏng và hoạt động kém hiệu quả.
2	Xe bán tải Hilux BKS 92A-0474	Chiếc	2005	15			x	
3	Xe mô tô chữa cháy BKS 92A1-00070	Chiếc	2017	3		x		
4	Xe mô tô chữa cháy BKS 92A1-00042	Chiếc	2017	3		x		
F Máy bơm chữa cháy								
1	Tohatsu V46	Chiếc	2002	18			x	Nhận sử dụng từ năm 2002, hiện tại máy bơm đã hỏng bơm mới và vỏ máy không khác phục được.
2	Tohatsu V38	Chiếc	2004	16			x	Nhận sử dụng từ năm 2004, quá trình sử dụng sửa chữa nhiều lần, thường xuyên hư hỏng, hoạt động hiệu quả kém.
3	Tohatsu V52	Chiếc	2007	13		x		
4	Tohatsu V52	Chiếc	2007	13		x		

STT	Tên loại xe	ĐVT	Năm sản xuất	Số năm sử dụng tại Việt Nam	Chất lượng			Ghi chú
					Tốt	Trung bình	Kém	
5	Tohatsu V52	Chiếc	2009	11		x		
6	Tohatsu V52	Chiếc	2012	08		x		
7	Tohatsu V82	Chiếc	2015	6	x			
G	Các thiết bị cơ giới khác							
1	Máy nạp khí sạch Pacific G27	Chiếc	2017	3	x			
2	Máy nạp khí sạch Ocean	Chiếc	2004	16			x	Nhận sử dụng năm 2004 từ C07-Bộ Công an, qua sử dụng sửa chữa nhiều lần, hiện tại tình trạng kỹ thuật máy hoạt động kém hiệu quả.
3	Máy phát điện di động TLM-4000HS	Chiếc	2010	10		x		
4	Máy phát điện dự phòng Power	Chiếc	2010	10		x		





Phụ lục 2
Bảng tổng hợp nhu cầu trang phương tiện, thiết bị chữa cháy và CNCH trong giai đoạn 2022-2024
(Kèm theo Báo cáo số 3034/BC-CAT-PC07-PV01, ngày 20/9/2021 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam)

Stt	Tên loại phương tiện, thiết bị	ĐVT	Phương tiện, thiết bị hiện có					Định mức cơ bản	Nhu cầu		Ghi chú
			Số lượng	Đánh giá chất lượng			Theo định mức		Giai đoạn 2022-2024		
				Tốt	Trung bình	Kém (cần thay thế)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
A	Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới										
I	Xe chữa cháy và chuyên dùng phục vụ chữa cháy										
1	Xe chữa cháy (téc nước và bọt)	Chiếc	14	3	3	8	28	22	8	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh và Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp huyện có địa bàn trọng điểm về PCCC và CNCH	
2	Xe chở nước	Chiếc	0	-	-	-	8	8	8	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh và Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp huyện có địa bàn trọng điểm về PCCC và CNCH	
3	Xe thang chữa cháy (32m-52m)	Chiếc	1	1	0	0	3	2	0		
4	Xe trạm chữa cháy	Chiếc	2	0	0	2	3	3	0		
5	Xe cứu hộ	Chiếc	2	2	0	0	8	6	0		
6	Xe chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Chiếc	2	0	1	1	8	7	0		
7	Xe chở phương tiện chữa cháy	Chiếc	1	0	0	1	8	8	0		

Stt	Tên loại phương tiện, thiết bị	ĐVT	Phương tiện, thiết bị hiện có				Định mức cơ bản	Nhu cầu		Ghi chú
			Số lượng	Đánh giá chất lượng				Theo định mức 2022-2024	Giai đoạn 2022-2024	
				Tốt	Trung bình	Kém (cần thay thế)				
8	Xe chở quân	Chiếc	1	0	0	1	8	8	0	
9	Xe máy xúc, máy đào đa năng	Chiếc	0	-	-	-	8	8	0	
10	Xe chữa cháy hóa chất	Chiếc	0	-	-	-	1	1	0	
11	Xe chuyên dùng cứu nạn cứu hộ với trang thiết bị có thể hoạt động trong môi trường hạt nhân – Sinh học – Hóa học.	Chiếc	0	-	-	-	1	1	0	
12	Xe chở và nạp bình khí thở; xe vòi chữa cháy	Chiếc	0	-	-	-	3	3	0	
13	Xe tiếp nhiên liệu	Chiếc	0	-	-	-	3	3	0	
II	Máy bơm chữa cháy									
I	Máy bơm chữa cháy	Chiếc	7	1	4	2	42	12	12	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh và Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp huyện
B	Thiết bị bảo hộ cá nhân									
1	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	32	14	8	-	198	166	12	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh
C	Phương tiện cứu người									
1	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu hộ dưới nước	Bộ	11	04	06	01	26	16	10	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh
2	Thiết bị dò tìm nạn nhân dưới nước bằng hình ảnh và sóng âm	Bộ	0	-	-	-	8	8	3	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh
3	Súng bắn phao	Bộ	1	1	-	-	8	7	3	Trang bị cho Phòng CS PCCC và CNCH Công an tỉnh



Phụ lục 3

Bảng tổng hợp quy mô đầu tư dự án

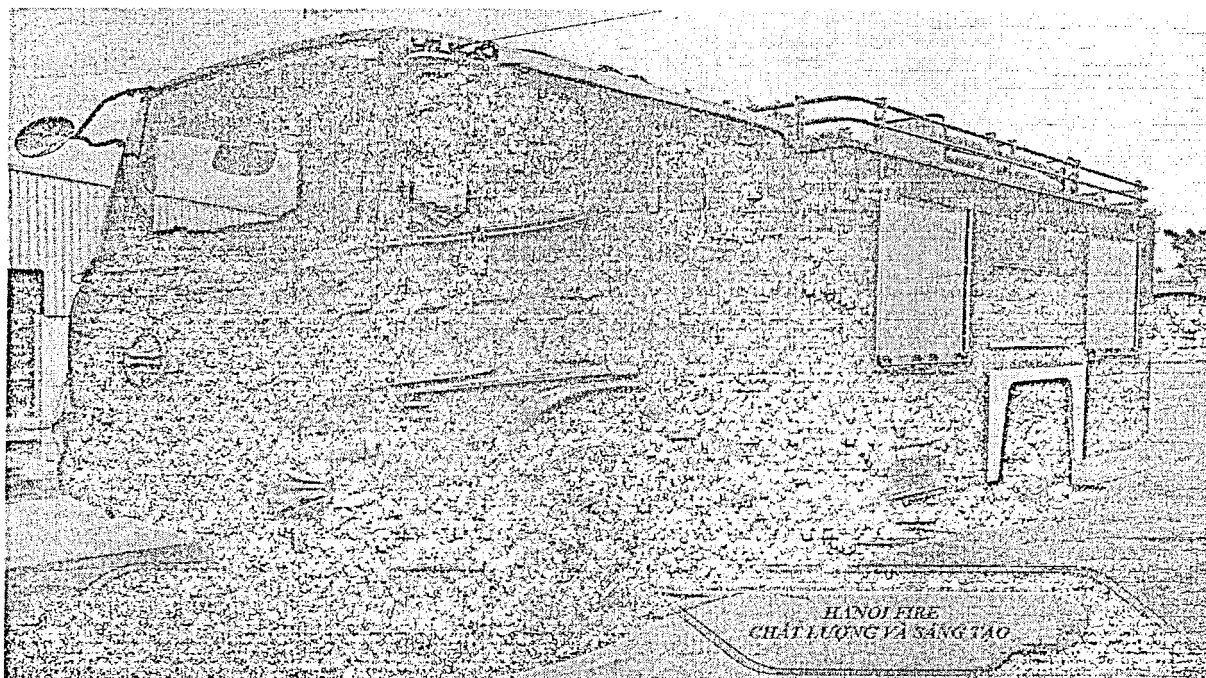
(Kèm theo Báo cáo số 3034/BC-CAT-PC07-PV01, ngày 21/9/2021
của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam)

Stt	Danh mục trang thiết bị, phương tiện	ĐVT	Số lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng cộng		
I	Trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố							
1	Xe chữa cháy (téc nước 5.000 lít và 500 lít bọt)	Chiếc	03	03	02	08	5.100.000.000	40.800.000.000
2	Xe chở nước (loại 8.000 lít)	Chiếc	03	03	02	08	2.200.000.000	17.600.000.000
3	Máy bơm chữa cháy (thiết bị đi kèm gồm: 05 cuộn vòi chữa cháy D=65mm cả đầu nối, 05 cuộn vòi chữa cháy D=50mm cả đầu nối, 01 ba chạc D=66-51-51, 01 ống hút D=80mm cả đầu nối, 01 giỏ lọc ống hút D80mm và 02 lăng B chữa cháy)	Chiếc	04	04	04	12	190.000.000	2.280.000.000
4	Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ (đồng bộ)	Bộ	03	0	0	03	171.500.000	514.500.000
5	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu nạn, cứu hộ dưới nước (đồng bộ 20 chi tiết)	Bộ	04	04	02	10	132.000.000	1.320.000.000
6	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	04	04	04	12	89.800.000	1.077.600.000
7	Thiết bị camera dò tìm nạn nhân (dưới nước)	Bộ	03	0	0	03	398.000.000	1.194.000.000
Tổng cộng								64.786.100.000
II	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành							6.967.967.300



a) Xe chữa cháy (téc nước: 5.000 lít và téc bọt: 500 lít)

Đặc điểm: Xe chữa cháy téc nước và bọt model HNC5000/500, được sản xuất và lắp ráp tại Việt Nam. Là sự hợp tác kỹ thuật giữa Hãng sản xuất Bơm chữa cháy Wateours Hoa Kỳ, Hãng sản xuất xe tải Hino Nhật Bản và nhà thiết kế cải tạo xe cơ giới Semyeong Hàn Quốc. Đây là xe chuyên dùng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

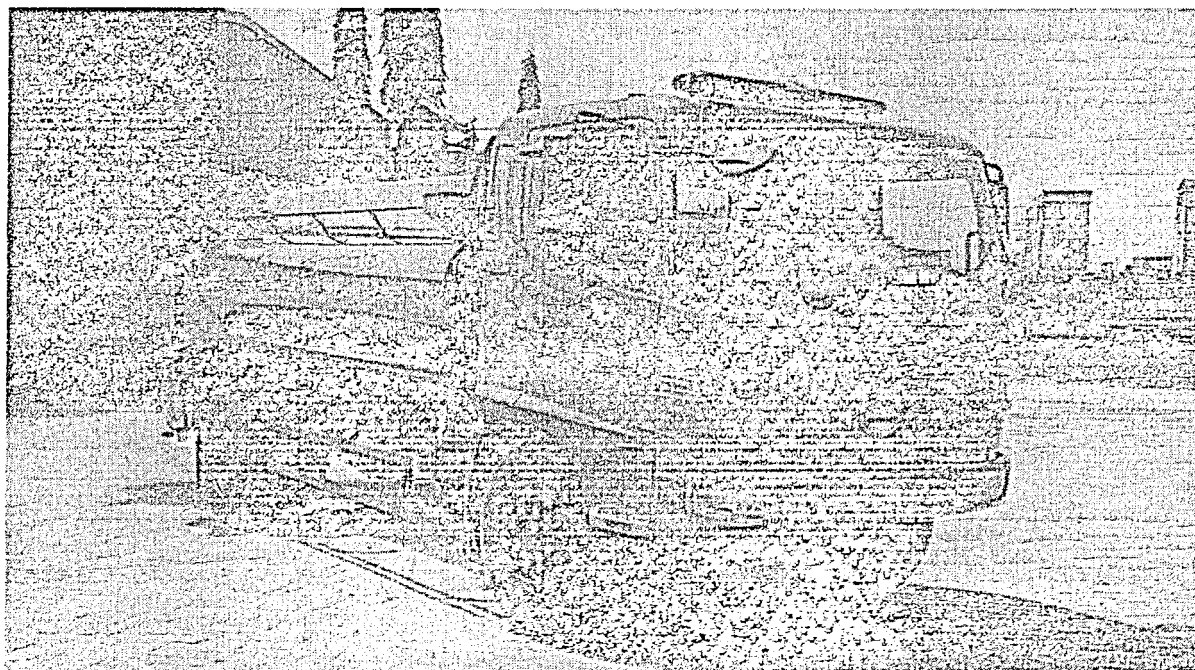


b) Xe chở nước (loại 8.000 lít)

Xuất xứ: Lắp ráp tại Việt Nam; model: FG8JJ7A.XITEC

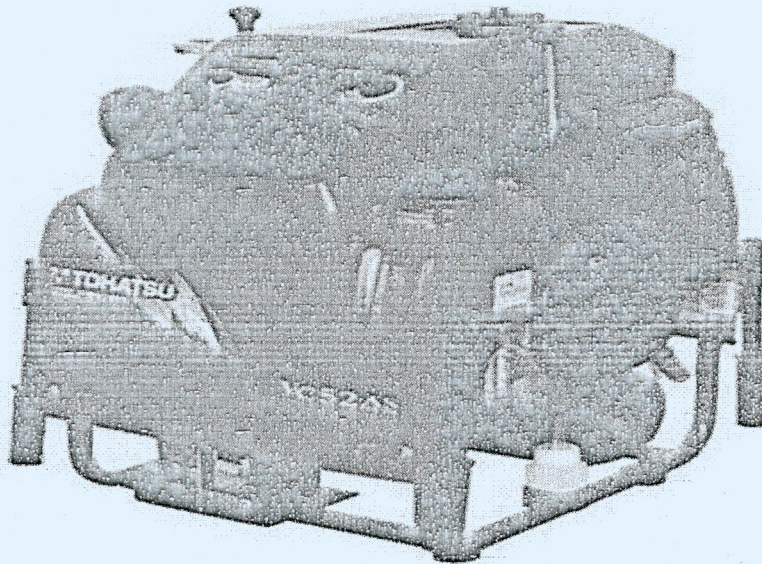
Xe nền: Hino; Dung tích téc nước : 8.000 Lít nước

Xe ô tô tiếp nước chữa cháy là xe chuyên dùng chữa cháy, sử dụng để tiếp nước cho xe chữa cháy trong trường hợp nguồn nước bị thiếu.



c) Máy bơm chữa cháy

Máy bơm chữa cháy là máy bơm chuyên dùng để phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong điều kiện xe ô tô chữa cháy không tiếp cận được hiện trường đám cháy.



d) Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ (đồng bộ): Là thiết bị CNCH dưới nước chuyên dụng, nhằm giúp cho lực lượng thực hiện công tác CNCH nhanh chóng tiếp cận được nạn nhân trong điều kiện bất lợi, các phương tiện CNCH thông dụng khác không thể tiếp cận được.

e) Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu nạn, cứu hộ dưới nước (đồng bộ 20 chi tiết): Là thiết bị CNCH dưới nước chuyên dụng, nhằm giúp cho lực lượng thực hiện công tác CNCH triển khai được nhiệm vụ ở dưới nước.

h) Mặt nạ phòng độc cách ly: Là thiết bị chuyên dụng, giúp cho lực lượng làm công tác chữa cháy và CNCH có thể làm việc được trong môi trường có nhiều khói và khí độc.

g) Thiết bị camera dò tìm nạn nhân dưới nước: Là thiết bị chuyên dụng CNCH dưới nước, giúp cho lực lượng làm công tác CNCH dò tìm nạn nhân dưới nước.





Phụ lục 4

Bảng tổng hợp chi phí tổng mức đầu tư mua sắm phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố
(Kèm theo Báo cáo số 3034/BC-CAT-PC07-PV01, ngày 21/9/2021
của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam)

Stt	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Diễn giải cách tính	Chi phí sau thuế (gxdst)
I	Chi phí thiết bị	G _{TB}		64.786.100.000
II	Chi phí quản lý dự án	G _{QLDA}	$G_{TB}/1,1*2,424\%*0,2$	285.530.012
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G _{TV}	$k1+k2+k3+k4$	1.033.338.295
1	Chi phí lập dự án	k1	$G_{TB}/1,1*0,727\%*1,1$	470.994.947
2	Chi phí thẩm định giá thiết bị	k2	$G_{TB}/1,1*0,12\%*1,1$	77.743.320
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	k3	$G_{TB}/1,1*0,174\%*1,1$	371.872.214
4	Chi phí giám sát	k4	$G_{TB}/1,1*0,574\%*1,1$	112.727.814
IV	Chi phí khác	G _K	$k1+k2+k3+k4$	557.086.564
1	Chi phí kiểm toán	k1	$G_{TC}*0,715\%*1,1*0,7$	356.679.874
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn	k2	$G_{TC}*0,455\%*1,0*0,5$	147.388.378
3	Lệ phí thẩm định dự án	k3	$G_{TC}*0,015\%*1,0$	9.717.915
4	Lệ phí thẩm định dự toán	k4	$G_{TB}*0,001\%*1,0$	647.861
V	Chi phí dự phòng	G _{DP}	5%	3.380.597.666
	Tổng cộng	G _{TC}		70.000.000.000



Phụ lục 5

Bảng tổng hợp chi phí tổng mức đầu tư cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành, tại thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành

(Kèm theo Báo cáo số 3034/BC-CAT-PC07-PT01, ngày 21/9/2021 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam)

TT	Khoản mục chi phí		Cách tính	Giá trị
I	Chi phí xây dựng (Gxd)			5,365,145,000
1	Sửa chữa Nhà làm việc và ở CBCS	1100 m2	x 2,700,000	2,970,000,000
2	Sửa chữa nhà bếp ăn	100 m2	x 2,000,000	200,000,000
3	Sửa chữa nhà để xe máy CBCS và kho	200 m2	x 1,200,000	240,000,000
4	Sửa chữa kho để máy móc chuyên dụng	65.27 m2	x 1,200,000	78,324,000
5	Nhà để xe ô tô	260 m2	x 3,000,000	780,000,000
6	Vọng gác	1 cấu kiện	x 80,000,000	80,000,000
7	Sân đường bê tông	1000 m2	x 300,000	300,000,000
8	Sân nền sân để xe ô tô	200 m3	x 100,000	20,000,000
9	Sửa chữa Sơn tường rào	657.71 m2	x 100,000	65,771,000
10	Nâng chiều cao hàng rào (cao 1m)	101.75 m2	x 600,000	61,050,000
11	Làm cổng xe ra vào	3 Cấu kiện	x 30,000,000	90,000,000
12	Mương thoát nước ngoài nhà	1 Cấu kiện	x 100,000,000	100,000,000
13	Chống sét	1 Hệ thống	x 80,000,000	80,000,000
14	Bể nước	1 Cấu kiện	x 80,000,000	80,000,000
15	Tháo dỡ trụ an ten	1 Cấu kiện	x 140,000,000	140,000,000
16	Cấp điện nước ngoài nhà	1 cấu kiện	x 80,000,000	80,000,000

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị
II	Chi phí thiết bị (Gtb)		563,000,000
III	Chi phí quản lý dự án (Gql)	$(Gxd+Gtb)/1,1*3,282\%*1,1$	194,562,000
IV	Chi phí tư vấn (Gtv)		529,966,000
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	$Gxd/1,1*4,4079\%*1,1*1,2$	283,788,000
2	Chi phí thẩm tra thiết kế	$Gxd/1,1*0,258\%*1,1$	13,842,000
3	Chi phí thẩm tra dự toán	$Gxd/1,1*0,25\%*1,1$	13,413,000
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	$Gxd/1,1*0,432\%*1,1$	23,177,000
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	$Gxd/1,1*0,05\%*1,1$	2,683,000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị	$Gtb/1,1*0,367\%*1,1$	2,066,000
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$Gxd/1,1*3,285\%*1,1$	176,245,000
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	$Gtb/1,1*0,844\%*1,1$	4,752,000
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị		10,000,000
V	Chi phí khác (Gk)		50,448,000
1	Phí thẩm định dự án	$(Gxd+Gtb)/1,1*0,019\%*1,1$	1,126,000
2	Phí thẩm định thiết kế	$(Gxd+Gtb)/1,1*0,165\%*1,1$	9,781,000
3	Phí thẩm định dự toán	$(Gxd+Gtb)/1,1*0,16\%*1,1$	9,485,000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$(Gxd+Gtb)/1,1*0,507\%*1,1$	30,056,000
VI	Chi phí dự phòng (Gdp)		264,846,300
	Tổng dự toán (TDT)		6,967,967,300



Bảng bố trí phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Stt	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Ghi chú
			Phòng CS PCCC và CNCH	CA cấp huyện	Phòng CS PCCC và CNCH	CA cấp huyện	Phòng CS PCCC và CNCH	CA cấp huyện	
1.	Xe chữa cháy (téc nước, bột)	08	02	01 (Đại Lộc)	01	02 (Điện Bàn, Thăng Bình)	0	02 (Duy Xuyên, Quế Sơn)	
2.	Xe chở nước (loại 8.000 lít)	08	02	01 (Đại Lộc)	01	02 (Điện Bàn, Thăng Bình)	0	02 (Duy Xuyên, Quế Sơn)	
3.	Máy bơm chữa cháy (vòi, lăng, ba chạc... kèm theo)	12	02	02 (Phước Sơn, Bắc Trà My)	0	04 (Hiệp Đức, Nông Sơn, Tiên Phước, Phú Ninh)	0	04 (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Nam Trà My)	
4.	Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ (đồng bộ)	03	03	0	0	0	0	0	
5.	Trang thiết bị cá nhân phục vụ CNCH dưới nước (đồng bộ 20 chỉ tiết)	10	04	0	04	0	02	0	
6.	Mặt nạ phòng độc cách ly	12	04	0	04	4	04	0	
7.	Thiết bị camera dò tìm nạn nhân (dưới nước)	03	03	0	0	0	0	0	



Phụ lục 7

Dự kiến bố trí vốn dự án đầu tư mua sắm thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giai đoạn 2022 - 2024
(Kèm theo Báo cáo số 3034/BC-CAT-PC07-PV01, ngày 21/9/2021 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam)

1. Năm 2022

Stt	PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố (1)				30.469.600.000
1	Xe chữa cháy (téc nước 5.000 lít và 500 lít bọt)	Chiếc	03	5.100.000.000	15.300.000.000
2	Xe chở nước (loại 8.000 lít)	Chiếc	03	2.200.000.000	6.600.000.000
3	Máy bơm chữa cháy, kèm thiết bị đồng bộ bao gồm: (1) Ống hút máy bơm chữa cháy D=80mm cả đầu nối, (2) Giỏ lọc ống hút D80mm, (3) Vòi chữa cháy D=65mm cả đầu nối, (4) Vòi chữa cháy D=50mm cả đầu nối, (5) Ba chạc D=66-51-51, (6) Lăng chữa cháy.	Bộ	04	190.000.000	760.000.000
4	Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ	Bộ	03	171.500.000	514.500.000
5	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu nạn, cứu hộ dưới nước	Bộ	03	132.000.000	396.000.000
6	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	04	89.800.000	359.200.000
7	Thiết bị camera dò tìm nạn nhân (dưới nước)	Bộ	03	398.000.000	1.194.000.000
8	Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác			5.213.900.000	5.213.900.000
II	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cũ của Công an huyện Núi Thành (2)				6.967.967.300
Tổng cộng (1) + (2)					37.437.567.300
Bảng chữ: Ba mươi bảy tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm đồng					

2. Năm 2023:

Stt	PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Xe chữa cháy (téc nước 5.000 lít và 500 lít bột)	Chiếc	03	5.100.000.000	15.300.000.000
2	Xe chở nước (loại 8.000 lít)	Chiếc	03	2.200.000.000	6.600.000.000
3	Máy bơm chữa cháy, kèm thiết bị đồng bộ bao gồm: (1) Ống hút máy bơm chữa cháy D=80mm cả đầu nối, (2) Giỏ lọc ống hút D80mm, (3) Vòi chữa cháy D=65mm cả đầu nối, (4) Vòi chữa cháy D=50mm cả đầu nối, (5) Ba chạc D=66-51-51, (6) Lăng chữa cháy.	Bộ	04	190.000.000	760.000.000
4	Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ	Bộ	0	171.500.000	0
5	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu nạn, cứu hộ dưới nước	Bộ	04	132.000.000	528.000.000
6	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	04	89.800.000	359.200.000
7	Thiết bị camera dò tìm nạn nhân (dưới nước)	Bộ	0	398.000.000	0
Tổng cộng (2)					23.547.200.000
Bảng chú: Hai mươi ba tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng					

3. Năm 2024:

Stt	PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Xe chữa cháy (téc nước 5.000 lít và 500 lít bột)	Chiếc	02	5.100.000.000	10.200.000.000
2	Xe chở nước (loại 8.000 lít)	Chiếc	02	2.200.000.000	4.400.000.000
3	Máy bơm chữa cháy, kèm thiết bị đồng bộ bao gồm: (1) Ống hút máy bơm chữa cháy D=80mm cả đầu nối, (2) Giỏ lọc ống hút	Bộ	04	190.000.000	760.000.000

Sst	PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	D80mm, (3) Vòi chữa cháy D=65mm cả đầu nối, (4) Vòi chữa cháy D=50mm cả đầu nối, (5) Ba chạc D=66-51-51, (6) Lăng chữa cháy.				
4	Súng bắn phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ	Bộ	0	171.500.000	0
5	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu nạn, cứu hộ dưới nước	Bộ	02	132.000.000	264.000.000
6	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	04	89.800.000	359.200.000
7	Thiết bị camera dò tìm nạn nhân (dưới nước)	Bộ	0	398.000.000	0
Tổng cộng (3)					15.983.200.000
<i>Bảng chữ: Mười lăm tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ngàn đồng</i>					

Ghi chú:

1. Giá các thiết bị nêu trên là giá tham khảo thị trường ở thời điểm hiện tại. Trong quá trình mua thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực tế hàng năm phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về thẩm định giá và đấu thầu cạnh tranh.

2. Trong quá trình thực hiện Dự án có thể thay đổi số lượng, loại phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương./.





CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ PCCC HÀ NỘI

Địa chỉ : Số nhà 29, ngách 45, ngõ 28 Điện Biên Phủ,

P.Điện Biên, quận Ba Đình - Hà Nội

ĐT: 024.38561764 , Fax: 024.35144185

Email: pkdpccchn@gmail.com

GP Số: 3756/GPTL ngày 16 - 10 - 1998



BÁO GIÁ THIẾT BỊ PCCC

To (Gửi đến): Công an tỉnh Quảng Nam	No (Số): 1108
Mr(Tên): Mr Thuận – PC07	Date (Ngày): 11/08/2021
Tel/Fax: Email: ducthuanpccqn@gmail.com	Liên hệ : Ms Huyền 0988086945

Công ty TNHH thiết bị PC&CC Hà Nội chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý đơn vị đối với thiết bị PCCC do chúng tôi sản xuất và nhập khẩu. Sau đây chúng tôi xin gửi tới Quý đơn vị bản chào giá thiết bị PCCC với giá tốt nhất như sau :

Stt	Hàng hóa	SL	ĐVT	Đơn giá (Vnd)	Thành tiền (Vnd)
1	Xe ô tô chữa cháy bột nước - Model: HNC5000/500 - Hãng sản xuất: Công ty TNHH thiết bị PCCC Hà Nội - Xuất xứ: Việt Nam * Thông số kỹ thuật cơ bản: - Xe cơ sở: HINO, công suất 260Ps, công thức bánh xe 4x2, tiêu chuẩn khí thải Euro IV trở lên. - Cabin: Đồi 06 ghế ngồi kể cả lái xe. - Téc nước: 5.000lít - Téc Foam: 500 lít - Bơm chữa cháy: Bơm li tâm, 2 tầng áp suất, lưu lượng tại áp suất thường 3.000 lít/phút/ 10bar, tại áp suất cao 400 lít phút/40bar - Chất lượng: Mới 100%, sản xuất 2021 trở về sau. - Đa bao gồm đầy đủ trang thiết bị PCCC theo Tiêu chuẩn của lực lượng Cảnh sát PCCC (Số lượng, chủng loại theo catalogue đính kèm)	01	Chiếc	5.100.000.000	5.100.000.000
2	Xe bồn chở nước - Model: HNC.TN8000 - Hãng sản xuất: Công ty TNHH thiết bị PCCC Hà Nội - Xuất xứ: Việt Nam * Thông số kỹ thuật cơ bản:	01	Chiếc	2.200.000.000	2.200.000.000

	- Xe cơ sở: HINO, công suất 260Ps, công thức bánh xe 4x2, tiêu chuẩn khí thải Euro IV. - Cabin: Đơn 03 ghế ngồi kể cả lái xe - Téc nước: 8.000lít - Bơm chữa cháy: Bơm li tâm Pentax – Italia, 1 tầng áp lực, lưu lượng 1.800 lít/phút. - Chất lượng: Mới 100%, Xe chữa cháy xuất xưởng năm 2021 trở về sau. - Có đầy đủ trang thiết bị theo catalogue đính kèm				
3	Máy bơm chữa cháy không tay - Model: V52AS - Hãng sản xuất: Tohatsu - Xuất xứ: Nhật Bản * Thông số kỹ thuật cơ bản: - Loại động cơ: Động cơ xăng 2 kỳ, 2 xy lanh, công suất 30kW. - Hệ thống làm mát: bằng nước - Hệ thống khởi động: điện và giật dây - Dung tích nhiên liệu: 18 lít - Công suất bơm ở chiều sâu hút 3m: Tại 0.4Mpa đạt 1450 l/p – 0.6Mpa đạt 1250l/p – 0.8Mpa đạt 1000l/p – 1.0Mpa đạt 600 l/p. - Chiều sâu hút lớn nhất: 9m - Trọng lượng khô: 85kg. - Trang thiết bị kèm theo máy bơm có cùng xuất xứ với máy bơm, bao gồm: Ống hút 6m (01 ống); trở lọc rác (01 chiếc); vòi đẩy chữa cháy 65mm dài 20m (02 cuộn); vòi đẩy chữa cháy 50mm (04 cuộn); lăng phun chữa cháy đa tác dụng 65mm (01 chiếc); lăng phun chữa cháy đa tác dụng 50mm (02 chiếc); ba chạc chữa cháy (01 chiếc).	01	Chiếc	190.000.000	190.000.000
4	Súng bắn phao cứu sinh - Model: KIT411 - Hãng sản xuất: Resqmax - Xuất xứ: Mỹ * Thông số kỹ thuật cơ bản: + 1 Súng phóng màu đỏ + 1 Bình khí nén có gắn sẵn phao tự nổi, trong phao có đèn tín hiệu (phao chịu tải đến 136kg) + 4 Đầu nhựa bảo vệ phao (hình đầu đạn) + 5 Chai CO2 dùng để kích hoạt phao	01	Bộ	171.500.000	171.500.000



	+ 1 Bình khí nén(áp suất 3000psi) kèm nắp đầy + 1 Dây cứu hộ đk 6mm dài 100m chịu tải đến 495kg có hộp đựng + 1 Dây cứu hộ đk 3mm dài 152m chịu tải đến 245kg có hộp đựng + 5 đầu bảo vệ gắn bình khí + 10 Roan đệm cao su các loại + 1 Bình xịt chống ăn mòn + 1 Sách hướng dẫn + 1 Đĩa CD thực tập + 1 Bộ nối nạp bình khí + 1 Túi đựng chuyên dụng				
5	Thiết bị cá nhân phục vụ cứu hộ cứu nạn dưới nước - Hãng sản xuất: Cressi - Xuất xứ: Ý * Thông số kỹ thuật cơ bản: - Quần áo: Kiểu dáng thời trang, ấm áp và linh hoạt, được sử dụng rộng ở môi trường nhiệt độ nước ôn đới. Vật liệu cao su tổng hợp neoprene chống thấm nước, dày 5.0mm, co giãn. - Mũ: Loại mũ trùm kín đầu và cổ bằng cao su tổng hợp dày 5.0mm. - Găng tay: Loại găng tay 5 ngón, bằng cao su tổng hợp neoprene dày 5.0mm chống thấm nước. - Ủng: Dạng ủng cao cổ, có khóa kéo bên hông, đế bằng cao su chống trượt. - Áo phao: Thiết kế đệm lưng chắc chắn, phía trên có tay cầm. Thao tác gắn bình khí nhanh và chắc chắn, có van xả khí an toàn, thiết kế các túi đựng và móc khóa chữ D để thuận tiện trong khi sử dụng. - Bình khí: Dung tích 12 lít, áp suất làm việc đến 300bar, có chân đế bảo vệ bình khí di chuyển. - Phản lực nước: sử dụng ắc qui hỗ trợ nhân viên làm việc dưới nước. - 01 bộ đầy đủ bao gồm 20 thiết bị (Quần áo; Mũ trùm; Găng tay; Ủng; Bộ điều hòa áp suất; Van cấp khí thở; Đầu thở phụ; Áo phao; Đồng hồ đo áp suất và độ sâu; La bàn; Kính lặn; Ống thở; Đèn pin; Chân vịt; Bình thở; Dây thắt lưng; Chì lặn; Giá đeo bình; Thiết bị kiểm tra khí trong bình; Túi đựng.	01	Bộ	132.000.000	132.000.000

6	Mặt nạ phòng độc cách ly - Model: PSS3000 - Hãng sản xuất: Drager - Xuất xứ: Đức * Thông số kỹ thuật cơ bản: - Giá đỡ bình khí: Loại giá đỡ mở rộng thiết kế bởi bộ khung rỗng, nhẹ và chống tĩnh điện. Đường viền của bộ dây đeo chống rách và mài mòn. Khóa an toàn nhẹ và chậm bắt cháy. - Bình khí: Bình khí bằng vật liệu tổng hợp Carbon dung tích 6.8 lít, áp suất hoạt động 300Bar. - Mặt nạ: loại mặt nạ trùm kín mặt Drager FPS7000 - Áp suất đầu vào: 0-300bar - Áp suất kích hoạt còi cảnh báo: 5-60bar - Lưu lượng khí đầu ra giai đoạn 1: > 1.000 lít/phút	01	Bộ	89.800.000	89.800.000
7	Thiết bị dò tìm nạn nhân dưới đồng hồ nát và dưới nước - Model: PROEYE951-S - Hãng sản xuất: YONE - Xuất xứ: Nhật Bản * Thông số kỹ thuật cơ bản: - Đầu Camera: + Tổng điểm ảnh: 795*595 + Độ phân giải: Tổng cộng 450 TV line + Camera màu G3 có khả năng quay góc 180°. Góc nhìn là 51°. Tổng góc quan sát là 231° + Có vỏ bọc bảo vệ chống nước vào ở độ sâu 50m - Đầu dò âm thanh: + Tích hợp ở phần đầu Camera cho phép nhân viên cứu hộ liên hệ với người bị nạn thông qua phần Micro và tai nghe. + Được thiết kế chống thấm nước. - Tay cầm dạng ống lồng dài 2.5m - Trang bị pin sạc Ni-MH AA cho thời gian sử dụng hơn 02 giờ, tuổi thọ Pin khoảng 500 lần sạc. - Trang bị màn hình LCD 7" gắn với hộp điều khiển để dò tìm người bị nạn. - Hộp đựng thiết bị	01	Bộ	398.000.000	398.000.000

***/ Điều kiện thương mại kèm theo:**

1/ Giá trên đã bao gồm thuế VAT,

2/ Địa điểm giao hàng tại kho của bên mua trên toàn lãnh thổ Việt Nam

5579
G TY
EM HUU
PHONG Q
JA CHA
NỘI
- TP.

- 3/ Thanh toán bằng chuyển khoản theo thỏa thuận của hợp đồng mua bán
4/ Thời gian giao hàng: Trong vòng tối thiểu 180 ngày.
5/ Báo giá có hiệu lực 100 ngày kể từ ngày thông báo.
6/ Thời gian bảo hành: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đến bên sử dụng.

Trân trọng!



GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ NGUYỆT



CÔNG TY TNHH VẬT TƯ THIẾT BỊ TOÀN BỘ HÀ TÂY

Địa chỉ: 28 Lê Lợi, TT Vân Đình, H Ứng Hòa, TP Hà Nội

ĐT: 0243.5148878- Fax: 0243.5148878

BẢNG CHÀO GIÁ PHƯƠNG TIỆN PCCC

Số: 168/ BGHT

Kính gửi: Công an tỉnh Quảng Nam

Công ty TNHH vật tư thiết bị toàn bộ Hà Tây là doanh nghiệp chuyên cung cấp trang thiết bị phương tiện PCCC và cứu hộ cứu nạn. Xin gửi tới đơn vị bảng chào giá theo yêu cầu của Công an tỉnh Quảng Nam như sau :

Stt	Hàng hóa	Thông số chi tiết	ĐV	SL	Đơn giá (VNĐ)
01	Xe chữa cháy bột nước	+ Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước (DxRxC): Khoảng 7.900 x 2.500 x 3.300 (mm) - Xe cơ sở: Xe tải Hino, Nhật Bản- Lắp ráp tại VN - Dung tích téc nước/foam: 5.000 lít nước/ 500 lít foam - Cabin: Cabin đơn 2 cửa, 3 chỗ ngồi kể cả lái xe - Động cơ: Động cơ Diezel, 4 kỳ, 6 xy lanh thẳng hàng, Tiêu chuẩn khí thải EURO 4 trở lên, tuabin tăng áp, làm mát bằng nước; Công suất cực đại: 191 Kw (260 PS) tại 2.500 vòng/phút - Bơm chữa cháy: Bơm ly tâm, 2 tầng áp suất, nhập khẩu đồng bộ với bộ trích công suất PTO; Lưu lượng vận hành ≥ 3000 lít phút tại áp suất 10,3 bar, chiều sâu hút tối đa 8m, thời gian hút tối đa 30 giây. - Hệ thống trộn bột: trộn bột kiểu mạch vòng; vật liệu bằng đồng; tỷ lệ trộn điều chỉnh: 3% hoặc 6 %; - Lăng giá: Phun nước và phun hỗn hợp bột nước; lưu lượng đạt 2200 lít phút tại 7bar; Góc quay xuống 15° và quay lên $+75^{\circ}$. - Hệ thống ưu tiên: dàn đèn ưu tiên, loa, máy phát tín hiệu (được trang bị) - Hệ thống phản ứng nhanh: Có 01 cuộn vòi chữa cháy Rulo kiểu tang trống, có sẵn lăng phun có khóa (điều chỉnh được kiểu phun, lưu lượng phun, phun nước và phun bột). (Các thiết bị chữa cháy chuyên dụng đi theo xe theo tiêu chuẩn Việt Nam)	Chiếc	01	5.455.00.000
02	Xe téc nước	+ Xuất xứ: Việt Nam - Dung tích téc nước: 8.000 lít - Xe cơ sở: Hãng Hino, Nhật Bản- Lắp ráp tại VN - Kích thước (DxRxC): Khoảng 7.900 x 2.500 x 3.300 (mm) - Chiều dài cơ sở: 4.330 mm - Cabin: Cabin đơn, 3 chỗ ngồi, 2 cửa, kiểu lật, lật ra phía trước với cơ cấu thanh xoắn và thiết bị khóa an toàn. - Động cơ: Động cơ Diezel, 4 kỳ, 6 xy lanh thẳng hàng, tua-bin tăng áp và làm mát khí nạp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử, tiêu chuẩn khí thải EURO 4; công suất cực đại: 260PS (191kW) tại 2.500 vòng/phút (theo hệ Iso Net) - Téc nước: làm bằng thép chịu mài mòn và áp lực cao SS400, hình elip (ovan) - Máy bơm nước: Loại ly tâm, một cấp áp suất; lưu lượng tối đa: 1.800 lít/phút; Bơm môi: Hệ thống môi chân không thông qua bộ	Chiếc	01	2.473.500.000

		Eductor kết hợp với hệ thống khí nén và xả của xe cơ sở thông qua hệ thống điều khiển; chiều sâu hút tối đa 8m. - Súng phun nước: tầm phun 25m, vận hành bằng tay. (Kèm theo một số thiết bị theo xe)			
03	Máy bơm chữa cháy	+ Model: VE1500W + Xuất xứ: Nhật Bản - Loại động cơ: 2 kỳ, 2 xy lanh. - Công suất đầu ra: 44 kW - Mức tiêu hao nhiên liệu: 22 lít/giờ - Khởi động động cơ bằng điện và giật dây - Chiều cao hút: 3m - Trọng lượng: ≤104 kg Thiết bị đi kèm theo bơm: - Vòi hút (ống hút) kiểu A: Số lượng 2 ống Chiều dài ống: 6 m Vật liệu: làm bằng vải trắng cao su có lõi thép chịu áp lực chân không - Vòi đẩy chữa cháy 50 mm Số lượng: 6 cuộn Vật liệu: bên ngoài làm bằng sợi tổng hợp, bên trong tráng cao su - Vòi đẩy chữa cháy 65 mm Số lượng: 6 cuộn Vật liệu: bên ngoài làm bằng sợi tổng hợp, bên trong tráng cao su - Ba chạc: Số lượng: 1 chiếc Vật liệu: Hợp kim nhôm; Kích thước cửa vào và cửa ra: Đồng bộ với kích thước cửa xả của máy bơm và vòi đẩy chữa cháy. - Lăng phun (loại đường kính 50 mm) Số lượng: 2 chiếc Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm; Kiểu phun: Đa tác dụng (phun thẳng, phun mưa); Kiểu loại: Điều chỉnh bằng tay - Lăng phun (loại đường kính 65 mm) Số lượng: 2 chiếc Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm; Kiểu phun: Đa tác dụng (phun thẳng, phun mưa); Kiểu loại: Điều chỉnh bằng tay	Chiếc	01	209.980.000
04	Súng bắn phao cứu sinh	+ Model: KIT 411 + Xuất xứ: Mỹ Một bộ gồm: - 1 Súng phóng màu đỏ - 1 Bình khí nén có gắn sẵn phao tự nổi, trong phao có đèn tín hiệu (phao chịu tải đến 136kg) - 4 Đầu nhựa bảo vệ phao (hình đầu đạn) - 5 Chai CO2 dùng để kích hoạt phao - 1 Bình khí nén (áp suất 3000psi) kèm nắp đậy - 1 Dây cứu hộ đk 6mm dài 100m chịu tải đến 495kg có hộp đựng - 1 Dây cứu hộ đk 3mm dài 152m chịu tải đến 245kg có hộp đựng - 5 đầu bảo vệ gắn bình khí - 10 Roan đệm cao su các loại - 1 Bình xịt chống ăn mòn - 1 Sách hướng dẫn - 1 Đĩa CD thực tập - 1 Bộ nối nạp bình khí - 1 Túi đựng chuyên dụng	Bộ	01	184.295.000

05	Bộ đồ lặn	+ Xuất xứ: Ý 1. Quần áo lặn: - Vật liệu cao su tổng hợp neoprene, chống thấm nước, dày 5.0mm, - Khóa kéo phía bên trong đằng sau lưng và có lớp thấm nước. - Đầu gối có may lớp gia cố chống mài mòn; Cổ tay và mắt cá chân có thêm lớp gia cố kín nước. - Cỡ quần áo: Size III (phù hợp cho người có trọng lượng 63-68kg, cao 170-178cm). 2. Trùm đầu - Vật liệu cao su tổng hợp - Trùm kín đầu và cổ với độ dày: 5.0mm 3. Găng tay - Găng tay dạng 5 ngón; độ dày 5mm - Vật liệu cao su tổng hợp (Neoprene) chống thấm nước 4. Ủng - Dạng ủng cao cổ, có khóa kéo bên hông, dày 5mm - Vật liệu ủng: cao su tổng hợp 2 lớp - Đế cao su chống trượt 5. Bộ điều hòa áp suất - Áp suất làm việc 300 bar - Thân làm bằng đồng bên ngoài phủ lớp Nickel chất lượng cao - Lưu lượng khí cấp: 4500 lít/phút 6. Van cấp khí thờ - Tiêu chuẩn: EN250/2000 sử dụng tốt trong môi trường nước lạnh - Gắn sẵn ống cấp khí bằng cao su 7. Đầu thờ phụ - Tiêu chuẩn: EN250/2000 sử dụng tốt trong môi trường nước lạnh - Gắn sẵn ống cấp khí bằng cao su 8. Áo phao - Hệ thống bơm phồng được sắp xếp hợp lý; Có van xả khí an toàn - 4 túi trong đó 2 túi phía sau dùng để chứa vật nặng - 3 van xả khí và nước thuận tiện thao tác ở mọi vị trí - 10 móc khóa chữ D thuận tiện trong việc gắn các phụ kiện và vật dụng 9. Đồng hồ đo áp suất và độ sâu Console PD2 - Nối vào bộ điều hòa áp suất để đo áp suất khí còn lại trong bình. Ống nối áp suất cao 300bar; mức cảnh báo khi áp suất xuống mức 50 bar - Đo độ sâu đến 70m, mức cảnh báo đỏ ở độ sâu từ 40m trở lên 10. La bàn định hướng - Vỏ chống trầy xước, chịu va đập - Ánh sáng phản quang để quan sát trong vùng tối 11. Kính lặn Evolution - Vật liệu vỏ Silicone - Mặt kính thủy tinh cường lực 12. Ống thờ - Miếng ngâm bằng 100% silicone 13. Đèn pin - Nguồn : pin 4 AA x 1.5V - Khoảng cách chiếu xa: 60m	Bộ	01	144.475.000
----	-----------	--	----	----	-------------



		- Công tắc đóng mở dạng trượt lên xuống. - Sử dụng ở độ sâu tối đa; 100m 14. Chân vịt lặn - Chiều dài/ rộng : 58cm/ 21cm - Lá cánh chân dài:45 cm 15. Bình khí thở - Dung tích: 12 lít - Áp suất làm việc: đến 300bar 16. Dây thắt lưng - Đầu khóa làm bằng inox không gỉ - Bề mặt rộng: 5cm 17. Chì lặn - Trọng lượng: 1kg/ cái - Số lượng: 5 cái 18. Giá đeo bình đơn - Vật liệu: composite - Dây đai có khóa chắc chắn. - Sử dụng cho bình đơn từ 10-18kg 19. Thiết bị kiểm tra khí trong bình lặn 20. Túi đựng chuyên dụng - Kích thước: 950 X 340 x 420 - Dung tích chứa: 135 lít - Chống thấm nước - Có van xả nước phía trong			
06	Mặt nạ phòng độc cách ly	+ Model: PSS3000 + Xuất xứ: EU Bộ phận chính bao gồm: Bộ khung giá đỡ, mặt nạ SCBA, Bình khí - Bộ khung giá đỡ: Áp suất đầu vào (bar): 0-300 bar Áp suất đầu ra giai đoạn 1: 7.5 Lưu lượng đầu ra giai đoạn 1:>1000 (l/p) - Mặt nạ FPS7000: Chất liệu: Chất liệu Silicone thân thiện và không gây kích ứng da hoặc vật liệu EPDM Kiểu: trùm kín mặt Tấm chắn bảo vệ mắt: Trong suốt, chất liệu Polycarbonate đã được phủ nhiều lớp bảo vệ, chịu va đập, tầm nhìn rộng... - Bình khí: Dung tích: 6.8 lít Áp suất làm việc: 300 bar Trọng lượng : khoảng 4.09 kg	Bộ	01	95.150.000
07	Thiết bị dò tìm dưới nước	- Model: ROEYE951-S - Xuất xứ: Nhật Bản Đầu camera: - Tổng số điểm ảnh: 795 * 595 - Độ phân giải: Tổng cộng 450 TV line - Có vỏ bọc bảo vệ chống vào nước ở độ sâu 50m Đầu dò âm thanh: - Được thiết kế để chống thấm nước trong trường hợp dùng dưới trời mưa - Có nắp chụp kín bảo vệ đầu dò âm thanh khi dò tìm dưới	Bộ	01	416.100.000

5796
 3 TY
 EM HUU
 T BI TOA
 TAY
 TP

	nước. - Thanh dũa dạng ống lồng dài 2.5m. - Trang bị màn hình màu LCD 7" gắn với hộp điều khiển để dò tìm người bị nạn. - Có hộp đựng toàn bộ thiết bị (DxRx): 1000 x 310 x 180 mm. - Trọng lượng toàn bộ thiết bị: ~19 kg.			
--	---	--	--	--

Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT.
- Phương thức thanh toán: thảo thuận sau khi ký hợp đồng
- Thời gian giao hàng: 6-8 tuần kể từ ngày xác nhận
- Địa điểm giao hàng: Tại kho bên mua

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIÁM ĐỐC

TÔNG ĐỨC HUẤN

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KHAI THÁC ỨNG DỤNG KHOA
HỌC KỸ THUẬT VÀ PCCC, CỨU HỘ, CỨU NẠN**

Địa chỉ: Nhà 2 – C2B – ngõ 25 – Láng Hạ – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại/Fax: 0243.5146923



BÁO GIÁ

Trang thiết bị PCCC và Cứu hộ cứu nạn

Kính gửi:

CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KHAI THÁC ỨNG DỤNG KHKT & PCCC, CHCN

Địa chỉ: Nhà 2 C2b – ngõ 25 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại/ Fax: 024.3.514.6923

NHÀ SẢN XUẤT PHÂN PHỐI THIẾT BỊ PCCC & CNCH CHUYÊN NGHIỆP

BÁO GIÁ

Kính gửi : CÔNG AN TỈNH QUẢNG NAM

Chúng tôi, Công ty TNHH đầu tư khai thác, ứng dụng khoa học kỹ thuật và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại thị trường Việt Nam. Được biết thười gian tới Quý Công an tỉnh Quảng Nam có kế hoạch mua sắm trang thiết bị PCCC và CNCH trang bị cho lực lượng Cảnh sát PCCC trong tỉnh.

Căn cứ khả năng và bề dày kinh nghiệm trong việc cung cấp thiết bị từ nhiều năm qua, Công ty chúng tôi trân trọng gửi bản báo giá thiết bị theo nhu cầu của Quý đơn vị theo bản chi tiết dưới đây.

TT	DANH MỤC	Số lg	ĐƠN GIÁ	TỔNG TIỀN
I	XE Ô TÔ CHỮA CHÁY Model: 5500 - Hãng sản xuất: Việt Nam Thông số kỹ thuật chung; + Xe nền: HINO, công suất 260Ps, 4x2, tiêu chuẩn khí thải Euro 4 trở lên. + Cabin: Kép 06 ghế ngồi bao gồm cả lái xe. + Thùng nước: 5.000lít + Thùng Foam: 500 lít + Bơm chữa cháy: Bơm li tâm, 2 tầng áp suất, lưu lượng tại áp suất thường 3.000 lít/phút/ 10bar, tại áp suất cao 400 lít/phút/40bar + Năm sản xuất: 2021 trở về sau. + Trang thiết bị PCCC theo Tiêu chuẩn	10	5.300.000.000	53.000.000.000
II	XE TẮC NƯỚC Model: 8000 + Hãng sản xuất: Việt Nam Thông số kỹ thuật chung; +Xe nền: HINO, công suất 260Ps, 4x2, tiêu chuẩn khí thải Euro 4 trở lên. + Cabin: Đơn 03 ghế ngồi bao gồm cả lái xe + Thùng nước: 8.000lít + Bơm chữa cháy: Bơm li tâm EBARRA – Italia, 1 tầng áp lực, lưu lượng 1.700 lít/phút.	8	2.700.000.000	21.600.000.000

	+ Năm sản xuất: 2021 trở về sau. + Trang thiết bị theo catalogue đính kèm			
III	MÁY BƠM CHỮA CHÁY Model: V52AS Hãng sản xuất: Tohatsu Xuất xứ: Nhật Bản * Thông số kỹ thuật chung; - Loại động cơ: Động cơ xăng 2 kỳ, 2 xy lanh, công suất 30kw., - Hệ thống làm mát: bằng nước - Hệ thống khởi động: điện và giật dây - Công suất bơm ở chiều sâu hút 3m: 1450 lít lít/phút tại 0,6Mpa; - Trọng lượng khô: 85 kg. - Trang thiết bị kèm theo máy bơm có cùng xuất xứ với máy bơm, bao gồm: Ống hút 6m (01 ống); trống lọc rác (01 chiếc); vòi đẩy chữa cháy 65mm dài 20m (02 cuộn); vòi đẩy chữa cháy 50mm (04 cuộn); lăng phun chữa cháy đa tác dụng 65mm (01 chiếc); lăng phun chữa cháy đa tác dụng 50mm (02 chiếc); ba chạc chữa cháy (01 chiếc).	12	210.000.000	2.520.000.000
IV	SÚNG BẮN PHAO CỨU SINH Model: KIT411 Hãng sản xuất: Resqmax Xuất xứ: Mỹ * Thông số kỹ thuật chung; 1 Súng phóng ; 1 Bình khí nén có gắn sẵn phao tự nổi, trong phao có đèn tín hiệu (phao chịu tải đến 136kg) ; 4 Đầu nhựa bảo vệ phao (hình đầu đạn) 5 Chai CO2 dùng để kích hoạt phao; 1 Bình khí nén(áp suất 3000psi) kèm nắp đậy; 1 Dây cứu hộ đk 6mm dài 100m chịu tải đến 495kg có hộp đựng; 1 Dây cứu hộ đk 3mm dài 152m chịu tải đến 245kg có hộp đựng; 5 đầu bảo vệ gắn bình khí ; 10 Roan đệm cao su các loại 1 Bình xịt chống ăn mòn; 1 Sách hướng dẫn ; 1 Đĩa CD thực tập; 1 Bộ nổi nẹp bình khí 1 Túi đựng chuyên dụng	3	191.000.000	573.000.000
V	THIẾT BỊ CÁ NHÂN PHỤC VỤ CỨU NẠ CỨU HỘ DƯỚI NƯỚC; Hãng sản xuất: Cressi Xuất xứ: Italia * Thông số kỹ thuật chung; + Quần và áo: Kiểu dáng thời trang, ấm áp và linh hoạt, được sử dụng rộng ở môi trường nhiệt độ nước ôn đới. Vật liệu cao su tổng hợp neoprene chống thấm nước, dày 5.0mm, co giãn. +Mũ: Loại mũ trùm kín đầu và cổ bằng cao su tổng hợp dày 5.0mm. +Găng tay: Loại găng tay 5 ngón, bằng cao	10	139.000.000	1.390.000.000

	su tổng hợp neoprene dày 5.0mm chống thấm nước. +Ứng: Dạng ủng cao cổ, có khóa kéo bên hông, đế bằng cao su chống trượt. +Áo phao: Thiết kế đệm lưng chắc chắn, phía trên có tay cầm. Thao tác gắn bình khí nhanh và chắc chắn, có van xả khí an toàn, thiết kế các túi đựng và móc khóa chữ D để thuận tiện trong khi sử dụng. +Bình khí: Dung tích 12 lít, áp suất làm việc đến 300bar, có chân đế bảo vệ bình khi di chuyển. +Phản lực nước: Hỗ trợ nhân viên làm việc dưới nước. + 01 bộ đầy đủ bao gồm 20 thiết bị (Quần áo; Mũ trùm; Găng tay; Ứng; Bộ điều hòa áp suất; Van cấp khí thở; Đầu thở phụ; Áo phao; Đồng hồ đo áp suất và độ sâu; La bàn; Kính lặn; Ống thở; Đèn pin; Chân vịt; Bình thở; Dây thắt lưng; Chì lặn; Giá đeo bình; Thiết bị kiểm tra khí trong bình; Túi đựng.			
VI	MẶT NẠ PHÒNG ĐỘC CÁCH LY Model: PSS3000 Hãng sản xuất: Drager Xuất xứ: Đức * Thông số kỹ thuật chung; + Giá đỡ: Loại giá đỡ mở rộng thiết kế bởi bộ khung rộng, nhẹ và chống tĩnh điện. Đường viền của bộ dây đeo chống rách và mài mòn. Khóa an toàn nhẹ và chậm bắt cháy. + Bình khí: Bình khí hợp Carbon dung tích 6.8 lít, áp suất hoạt động 300Bar. + Mặt nạ: loại mặt nạ trùm kín mặt Drager FPS7000 + Áp suất đầu vào: 0-300bar +Áp suất kích hoạt còi cảnh báo: 5-60bar + Lưu lượng khí đầu ra giai đoạn 1: > 1.000 lít/phút	30	91.300.000 đ	2.739.000.000
VII	THIẾT BỊ DÒ TMF DƯỚI NƯỚC; Model: PROEYE951-S Hãng sản xuất: YONE Xuất xứ: Nhật Bản * Thông số kỹ thuật chung; - Đầu Camera: + Tổng điểm ảnh: 795*595 + Độ phân giải: Tổng cộng 450 TV line + Camera màu G3 có khả năng quay góc 180⁰. Góc nhìn là 51⁰. Tổng góc quan sát là 231⁰ + Có vỏ bọc bảo vệ chống nước vào ở độ sâu 50m - Đầu dò âm thanh:	03 bộ	422.000.000	1.266.000.000

+ Tích hợp ở phần đầu Camera cho phép nhân viên cứu hộ liên hệ với người bị nạn thông qua phần Micro và tai nghe. + Được thiết kế chống thấm nước. - Tay cầm dạng ống lồng dài 2.5m - Trang bị pin sạc Ni-MH AA cho thời gian sử dụng hơn 02 giờ, tuổi thọ Pin khoảng 500 lần sạc. - Trang bị màn hình LCD 7" gắn với hộp điều khiển để dò tìm người bị nạn. - Hộp đựng thiết bị			
Tổng báo giá			83.088.000.000

Chú ý:

- + Tổng giá chào là giá có thuế VAT ,
- + Địa điểm giao hàng tại kho của bên mua tại Quảng Nam
- + Thanh toán bằng chuyển khoản
- + Thời gian giao hàng: Trong vòng tối thiểu 210 ngày.
- + Báo giá có hiệu lực 60 ngày kể từ ngày ký.
- + Bảo hành: Trong vòng 12 tháng kể

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021
Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Ký sư: Nguyễn Thái Dương

Số: 56 /NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21
tháng 12 năm 2016 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách
nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 về quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND
tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2021;*

*Xét Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022

1. Nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn thực hiện kế hoạch vốn đầu
tư công năm 2022

a) Việc lập kế hoạch công năm 2022 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư
công năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ,
Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan của Quốc hội, Chính phủ,
Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021 – 2025.

b) Thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 -
2025 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022; phù hợp quy hoạch
tỉnh, kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

c) Kế hoạch đầu tư công năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ
cấu lại đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục tình trạng

bố trí vốn dàn trải, đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho cấp huyện, xã theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

d) Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình thực hiện việc phân bổ vốn bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4, Điều 101 của Luật Đầu tư công năm 2019.

- Ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước.

- Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025.

- Bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ thực hiện dự án và theo các quyết định được phê duyệt.

- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2022. Các dự án bố trí vốn quá thời gian quy định giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 phải tập trung bố trí vốn hoàn thành trong năm 2022.

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; đồng thời, bảo đảm thời gian bố trí vốn theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 52, Luật Đầu tư công (dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 03 năm).

- Dự án khởi công mới trong trường hợp quá bức thiết cần phải khởi công ngay trong kế hoạch 2022 và đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 5, Điều 51, Luật Đầu tư công năm 2019.

đ) Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và vốn thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 54, Luật Đầu tư công năm 2019

e) Đối với vốn nước ngoài: Rà soát chặt chẽ, thận trọng đối với kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo nguyên tắc sau:

- Các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ năm 2022 theo thứ tự ưu tiên: Dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2022 không có khả năng gia hạn; dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2022; dự án mới đã ký Hiệp định; dự án chuẩn bị ký Hiệp định trong năm 2021 và có khả năng giải ngân trong năm 2022.

- Bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án.

- Đối với các dự án có cơ cấu hỗn hợp (bao gồm dự án thành phần ở trung ương do các bộ, cơ quan trung ương là cơ quan chủ quản quản lý, thực hiện và dự án thành phần ở địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ quản dự án

quản lý, thực hiện) cân cân đối trong dự toán ngân sách địa phương năm 2022 phù hợp với khả năng giải ngân của dự án.

g) Dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của cấp nào (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thì cấp đó chủ động huy động nguồn lực triển khai thực hiện, quản lý đầu tư. Vốn bố trí cho các dự án sử dụng nhiều nguồn phải đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã theo cam kết và tiến độ thực hiện dự án.

Việc phân cấp đầu tư đảm bảo theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 về Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

h) Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thực hiện giải ngân trong 01 năm ngân sách, không được phép kéo dài sang năm 2023, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 68, Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

i) Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện theo quy định Khoản 6, Khoản 7 và Khoản 8, Điều 67, Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 dự kiến 7.169,333 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách địa phương dự kiến 4.720,5 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách trung ương 2.448,833 tỷ đồng (*chi tiết theo biểu số 01*).

3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022

a) Nguồn vốn ngân sách địa phương là 4.720,5 tỷ đồng. Trong đó: Dự phòng và đối ứng 170 tỷ đồng; bồi chi và trả nợ vay 541,2 tỷ đồng; phân bổ cho các địa phương 1.946,94 tỷ đồng (theo tiêu chí, định mức và nguồn khác 946,94 tỷ đồng, thực hiện các nghị quyết HĐND tỉnh 1.000 tỷ đồng); phân bổ khối ngành và hỗ trợ các địa phương 2.062,36 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn ngân sách Trung ương

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ dự kiến kế hoạch 2022 là 2.448,833 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia: 1.004 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 839 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài ngân sách Trung ương cấp phát: 605,833 tỷ đồng.

(*Chi tiết theo biểu số 02; 02.1; 03; 04; 05*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này; đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

a) Hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022, trình các cơ quan trung ương theo quy định.

b) Chỉ đạo các cơ quan liên quan, theo dõi sát tình hình thu, chi ngân sách năm 2021 và dự kiến số thu, chi ngân sách năm 2022, tổng hợp đầy đủ các nguồn vốn đưa vào cân đối ngay trong kế hoạch đầu tư công năm 2022, nhất là nguồn thu tiền sử dụng đất. Đồng thời, rà soát một số nhiệm vụ chi chưa thật sự hợp lý để bổ sung cho chi đầu tư.

c) Đối với các dự án khởi công mới đã có quyết định chủ trương đầu tư, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và các thủ tục có liên quan nhằm sớm triển khai thực hiện dự án.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất danh mục dự án khởi công mới chưa phê duyệt chủ trương đầu tư tại biểu 02.1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát cụ thể từng danh mục về sự cần thiết, nội dung, quy mô đầu tư, khả năng cân đối ngân sách; phương án phân bổ kế hoạch vốn, tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn tại kỳ họp cuối năm 2021; đảm bảo ưu tiên bố trí đủ vốn thanh toán nợ khối lượng, các dự án chuyển tiếp hoàn thành theo tiến độ được phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài thời gian thực hiện dự án.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường



DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2022 (SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH)
 theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư			
			Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
	TỔNG SỐ		6.018.107	2.606.681		
I	QUỐC PHÒNG		65.500	65.500		
a	Dự án nhóm C		65.500	65.500		
1	Trạm kiểm soát Biên phòng cửa Khẩu Nam Giang/Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam		38.000	38.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
2	Mở rộng Trường bắn - Thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam tại xã Tiên phong, huyện Tiên Phước		17.500	17.500		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
3	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam		10.000	10.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
II	AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI		270.000	200.000		
a	Dự án nhóm C		270.000	200.000		
1	Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố		70.000	70.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
2	Hiện đại hóa hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh		200.000	130.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
III	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		122.775	122.775		
a	Dự án nhóm B		120.000	120.000		
1	Trường THPT Núi Thành, huyện Núi Thành		60.000	60.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
2	Trường THPT Lương Thúc Kỳ		60.000	60.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
b	Dự án nhóm C		2.775	2.775		
1	Trường THPT Trần Phú; hạng mục: Kè chắn đất kết hợp tường bao vệ		2.775	2.775		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		40.000	40.000		
a	Dự án nhóm B		40.000	40.000		
1	Phòng Phân tích và thử nghiệm chất lượng sản phẩm		40.000	40.000		Chưa phê duyệt chủ trương đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Quảng Nam, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư kế hoạch năm 2022 nguồn ngân sách nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 09/8/2021 (khoản 20 Thông báo số 329/TB-UBND ngày 11/8/2021) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 160/TTr-SKHĐT ngày 06/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ các đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư kế hoạch năm 2022 nguồn ngân sách nhà nước, như sau:

(Danh mục dự án, cơ quan theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Phân công trách nhiệm :

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có tên tại Phụ lục đính kèm căn cứ danh mục, dự toán tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của các dự án chịu trách nhiệm thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện lập báo cáo đề xuất chủ trương, phối hợp với các Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành và các đơn vị, địa phương liên quan khẩn trương lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và đề xuất chủ đầu tư thực hiện dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và theo dõi, hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt dự án để đảm bảo điều kiện bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư năm 2022. UBND tỉnh sẽ không trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021 về phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 đối với các dự án chưa được phê duyệt dự án theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc các đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, dự án đầu tư để trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đảm bảo thời hạn bố trí kế hoạch vốn năm 2022; đồng thời tham mưu UBND tỉnh điều chuyển kế hoạch vốn các dự án không có khả năng giải ngân hết trong năm 2021 sang bố trí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư của các dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2022.

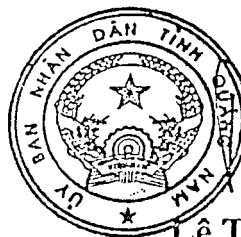
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp & PTNT, các Ban Quản lý dự án: ĐTXD tỉnh, ĐTXD các công trình giao thông tỉnh, ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT và thủ trưởng các cơ quan đơn vị, địa phương có tên tại Phụ lục đính kèm và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP, các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2022 TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH
GAO NHIỆM VỤ LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đơn vị giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	TỔNG SỐ	1.525.626	1.263.126	
I	QUỐC PHÒNG	65.500	65.500	
a	Dự án nhóm C	65.500	65.500	
1	Trạm kiểm soát Biên phòng cửa Khẩu Nam Giang/Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam	38.000	38.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
2	Mở rộng Trường bắn - Thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam tại xã Tiên phong, huyện Tiên Phước	17.500	17.500	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Cải tạo, nâng cấp doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam	10.000	10.000	
II	AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI	270.000	200.000	
a	Dự án nhóm C	270.000	200.000	
1	Đầu tư trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Quảng Nam và Công an các huyện, thị xã, thành phố	70.000	70.000	Công an tỉnh
2	Hiện đại hóa hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh	200.000	130.000	Công an tỉnh
III	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	122.775	122.775	
a	Dự án nhóm B	120.000	120.000	
1	Trường THPT Núi Thành, huyện Núi Thành	60.000	60.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	60.000	60.000	
b	Dự án nhóm C	2.775	2.775	
1	Trường THPT Trần Phú; hạng mục: Kê chắn đất kết hợp tường bao vệ	2.775	2.775	Sở Giáo dục và Đào tạo
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	40.000	40.000	
a	Dự án nhóm C	40.000	40.000	

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư		Đơn vị giao lập báo cáo đề xuất chu trương đầu tư
		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
V	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	191.000	191.000	
a	Dự án nhóm B	119.000	119.000	
1	Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc; hạng mục: Hệ thống nội thất, trang thiết bị phòng mổ tại Khoa Gây mê hồi sức, Ngoại tiết niệu - Tiêu hóa - Đông y	69.000	69.000	Sở Y tế
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Nam	50.000	50.000	
b	Dự án nhóm C	72.000	72.000	
1	Khu khám bệnh cấp cứu Bệnh viện Tâm thần	25.000	25.000	Sở Y tế
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Thăng Bình	22.000	22.000	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Nam Giang	25.000	25.000	
VI	VĂN HÓA THÔNG TIN	50.000	35.000	
a	Dự án nhóm C	50.000	35.000	
1	Tôn tạo di tích Cây Thông Một, thành phố Hội An - Địa điểm thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam	15.000	15.000	UBND thành phố Hội An
2	Nâng cấp, tôn tạo Khu di tích lịch sử Vụ thám sát Đồng Trại, huyện Tiên Phước	25.000	10.000	UBND huyện Tiên Phước
3	Sửa chữa, nâng cấp, bảo dưỡng Quán thể Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng và Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	10.000	10.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
VII	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	50.000	50.000	
a	Dự án nhóm B	50.000	50.000	
1	Thiết bị nâng cao năng lực sản xuất các chương trình phát thanh và truyền hình	50.000	50.000	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh
VIII	THỂ DỤC THỂ THAO	105.000	65.000	
a	Dự án nhóm B	45.000	45.000	
1	Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và sửa chữa Khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam (bao gồm: Trung tâm Đào tạo và Thi đấu Thể dục thể thao Quảng Nam và CLB bóng đá Quảng Nam)	45.000	45.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
b	Dự án nhóm C	60.000	20.000	
1	Hỗ trợ cho các địa phương miền núi cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ tổ chức Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam và Lễ hội Văn hóa-Thể thao các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	60.000	20.000	Hỗ trợ qua ngân sách huyện, không giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chu trương đầu tư